TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày 10 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Triệu Thị Liên.
Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện H, tỉnh H tham gia phiên tòa:Ông Tằng Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày21/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 28/7/2023 đối với bị cáo:

*** TRỊNH VĂN T ,** sinh ngày 23/12/1982 tại huyện Y, tỉnh T; nơi cư trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 09/12; số căn cước công dân: 038082005965 cấp ngày 17/3/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; con ông Trịnh Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; vợ là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983;có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2020; nhân thân: Ngày 26/7/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 01/4/2012 bị Công an huyện Y, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng; ngày 09/5/2013 bị Công an huyện Y, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 21/4/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại N tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì, có mặt.

- *Bị hại*: Anh Chấu Xín N, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Phùng Văn L, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người làm chứng:* Các chị Lê Thu T (vắng mặt); Nguyễn Thị M(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/4/2023, Trịnh Văn T đi xe khách Khởi P từ bến xe khách Mỹ Đình, thành phố Hà Nội đến huyện H, tỉnh H để tìm việc làm. Khoảng 06 giờ sáng ngày 20/4/2023, T đến trung tâm thị trấn V, huyện H thì xuống xe đi bộ quan sát xung quanh thị trấn. Sau đó, T đi bộ đến địa phận xã Pố Lồ, huyện Hoàng Su Phì thì gặp Chấu Xín N đi xe máy ngang qua, T gọi N dừng lại và xin đi nhờ xe vào xã Thàng Tín, N đồng ý. T ngồi lên xe và nói muốn về gia đình N quay video để đăng lên Youtube rồi hứa sẽ trả tiền công cho N là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), N đồng ý và chở T về N mình chơi. Khi về đến nơi, T thấy gia đình N đã dọn mâm ra chuẩn bị ăn cơm nên ngồi ăn cơm và uống rượu cùng mọi người. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T chỉ còn 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) trên người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động và xe mô tô của N để bán lấy tiền tiêu sài. T bảo N đưa T xuống thị trấn V, huyện H để tìm bạn, N đồng ý. Khi đến trung tâm thị trấn V, T rủ N lên tầng 2 khách sạn G, thuộc tổ 2, thị trấn V, huyện H, tỉnh H uống cà phê. Để tạo lòng tin với Nhà, T gọi lễ tân khách sạn là Lê Thu T mang 03 ly cà phê lên đặt trên bàn để N tin tưởng là T gọi cho bạn của T 01 ly cà phê. Sau đó, T mượn điện thoại di động nhãn hiệu Realme CS5, màu đen ghi và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu đen trắng, biển kiểm soát 23F1-118.12 của N và nói dối là đi đón bạn ở N nghỉ Hoàng Anh gần đó, N tin tưởng là T đi đón bạn về uống cà phê cùng mình thật nên đã đưa chìa khóa xe mô tô và điện thoại cho Thương. Sau khi lấy được điện thoại và chìa khóa xe, T điều khiển xe mô tô đi theo hướng vào huyện Huyện X, tỉnh H. Khi đến huyện Xín Mần, T đi vào cây xăng ở ven đường đổ xăng 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), T mở cốp xe ra nhìn thấy bên trong có 01 (một) chiếc ví da màu đen, trong ví có số tiền là 57.000 đồng (năm mươi bảy nghìn đồng), 01 giấy đăng ký xe máy, 01 bằng lái xe, 01 bảo hiểm xe máy, 01 thẻ căn cước công dân và 02 thẻ ATM. T rút hết tiền trong ví ra cho vào túi quần của mình, còn ví và giấy tờ T để vào trong cốp xe. T tiếp tục hỏi đường để đi ra thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang với mục đích tiêu thụ số tài sản chiếm đoạt được và bắt xe khách về tỉnh Thanh Hóa. Trên đường đi, T đã tiêu sài hết số tiền lấy trong ví của Nhà, do không có tiền thuê phòng nghỉ nên T đã ngủ qua đêm ở cạnh đường. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/4/2023, T đến thành phố Hà Giang và rẽ vào cửa hàng điện thoại L Nhung của anh Phùng Văn L để bán chiếc điện thoại Realme CS5, màu đen với giá 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) và T mua lại của L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). L đưa cho T 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen. Sau đó, T điều khiển xe mô tô ra khu vực bến xe khách H để ăn cơm và uống nước. Khi T đang ngồi uống nước thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật của vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 152/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2023

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoàng Su Phì kết luận:*01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 23F1-118.12, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu đen trắng (đã qua sử dụng) có giá: 13.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Realme CS5, màu đen ghi (đã qua sử dụng) có giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị của tài sản trên là: 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).*

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSHSP ngày 20/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh H truy tố Trịnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáokhai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu. Bị cáo T cho rằng do không có tiền để tiêu sài cá nhân nên bị cáo mới nảy sinh ý định lừa đảo tiền của người khác là vi phạm pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, anh N đã nhận lại số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và nhận bồi thường số tiền 7.000.000đ.

Người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trịnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tội danh: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập.

Về vật chứng: Áp dụng khoản Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị tuyêntrả lại cho anh Phùng Văn L: 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím; số tiền 880.000 đồng *(tám trăm tám mươi nghìn đồng).*

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;sau khi phạm tội bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng các chị Lê Thu T. Xét thấy, trong quá trình điều tra họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục 105 - 118)), lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại (bút lục 119 - 122), lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bút lục 125 – 126; 130 - 131) và lời khai người làm chứng (từ bút lục số 127 đến số 129), phù hợp với Kết quả nhận dạng(bút lục 132 - 136)và các tài liệu khác trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Trịnh Văn T do không có tiền tiêu sài cá nhân nên đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, 01 chiếc điện thoại di động Realme CS5 và 57.000 đồngcủa Chấu Xín N. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt được là: 15.557.000 đồng *(mười năm triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu.Vì vậy, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại là 7.000.000 đồng và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn địnhnên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS.

[9] Trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị cáo là 7.000.000 đồng nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phùng Văn L, yêu cầu bị cáoTrịnh Văn T bồi thường số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* là tiền mà L bỏ ra để mua điện thoạimà T chiếm đoạt được. Tại phiên tòa, anh L có văn bản đề nghị HĐXX trả lại 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím; số tiền 880.000 đồng *(tám trăm tám mươi nghìn đồng)* và không yêu cầu Trịnh Văn T phải bồi thường gì thêm, khoản tiền nào khác.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã thu giữ gồm: 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát 23F1 - 118.12, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu đen trắng; 01 *(một)* điện thoại di động Realme CS5, màu đen ghi; 01 *(một)* chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Chấu Xín N; 01 *(một)* giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe gắn máy mang tên Chấu Xín N; 01 *(một)* ví giả da màu đen; 01 *(một)* căn cước công dân mang tên Chấu Xín N; 01 *(một)* giấy phép lái xe mang tên Chấu Xín N*;* 01 *(một)* thẻ ATM, ngân hàng MSB, mang tên "CHAU XIN NHA";01 *(một)* thẻ ATM, ngân hàng MSB, mang tên "THAO THI CHAU"*(tất cả đều đã qua sử dụng)*thuộc sở hữu hợp pháp của anh Chấu Xín N;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu số tài sản trên là có căn cứ.

Còn lại số vật chứng gồm: 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím; số tiền 880.000 đồng *(tám trăm tám mươi nghìn đồng)* là tài sản của chủ sở hữu hợp pháp nên cần trả lại cho anh L .

[11] Đối với Phùng Văn L mua chiếc điện thoại di động Realme CS5, màu đen ghi của bị can Trịnh Văn T chiếm đoạt được, nhưng trước khi mua L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với L là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 21/4/2023.

2. Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

Trả lại cho anh Phùng Văn L: 01 *(một)* điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím *(đã qua sử dụng)* và số tiền 880.000 đồng *(tám trăm tám mươi nghìn đồng).*

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2023 giữa Công an huyện H, tỉnh H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh H).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáocó mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanvắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- CQTHAHS Công an huyện Hoàng Su Phì;
- Chi cục THA DS huyện Hoàng Su Phì;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV06; PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- N tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phương